

Số: /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày 31 tháng 5 năm 2019

## **BÁO CÁO**

### **Việc thực hiện chính sách pháp luật về giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

Thực hiện Công văn số 1814/UBVHGDTTN14 ngày 15/3/2019 của Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng về việc báo cáo việc thực hiện chính sách pháp luật về giáo dục nghề nghiệp, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi báo cáo kết quả thực hiện như sau:

#### **I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

##### **1. Việc ban hành văn bản và công tác tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện các chính sách pháp luật về giáo dục nghề nghiệp**

Thực hiện quy định Luật Giáo dục nghề nghiệp và các văn bản hướng dẫn, Ủy ban nhân dân tỉnh đã triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách; cơ chế hỗ trợ tín dụng cho học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn để học nghề và thực hiện đầy đủ các chế độ về miễn, giảm học phí đối với học sinh, sinh viên theo quy định (*có Phụ lục 01 kèm theo*).

Xác định công tác tuyên truyền là nhiệm vụ quan trọng nhằm truyền tải các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến người dân; thời gian qua, tỉnh Quảng Ngãi đã lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân, học sinh về vai trò và tầm quan trọng của việc học nghề trong việc nâng cao thu nhập, ổn định cuộc sống góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; thu hút sự quan tâm của các doanh nghiệp tham gia đào tạo nguồn nhân lực có tay nghề và cùng đồng hành với nhà nước trong quá trình đào tạo, sử dụng nguồn lao động sau đào tạo.

Trong giai đoạn 2015 - 2018, đã tổ chức mở 02 đợt tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về các chính sách đào tạo nghề theo Luật Giáo dục nghề nghiệp, Quyết định số 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”, quán triệt Chỉ thị số 19-CT/TW ngày 05/11/2012 của của Ban Bí thư về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dạy nghề cho lao động nông thôn”, Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 06/6/2014 của Ban Bí thư khóa XI “Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đào tạo nhân lực có tay nghề cao” cho trên 1.140 cán bộ trong hệ thống chính trị và Ban Chỉ đạo thực hiện Quyết định 1956 cấp huyện, cấp xã; qua đó đã nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, nhân dân và toàn xã hội về tầm quan trọng của việc đổi mới đào tạo nghề.

Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên chỉ đạo các cơ quan thông tấn báo chí trong tỉnh, Đài phát thanh - Truyền hình tỉnh và hệ thống truyền thanh cơ sở triển khai công tác tuyên truyền rộng rãi trong quần chúng nhân dân về các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác đổi mới đào tạo nghề đối với sự phát triển kinh tế - xã hội. Các cơ quan thông tấn báo chí, truyền hình địa phương và Trung ương đã xây dựng các chuyên trang, chuyên mục, phóng sự: Chương trình đào tạo nghề, chương trình phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt chú trọng đăng tải thông tin phản ánh các gương điển hình của người học sau đào tạo nghề đã áp dụng có hiệu quả trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, được doanh nghiệp tuyển dụng, có việc làm mới, thu nhập cao và ổn định... Hệ thống truyền thanh cơ sở các huyện, thành phố xây dựng được nhiều bản tin, chuyên mục tuyên truyền trên sóng phát thanh về công tác đào tạo nghề và những chính sách hỗ trợ phát triển, đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh,...

Theo đó, trong giai đoạn 2015 – 2018, đã phát sóng 52 số chuyên đề, chuyên mục về công tác đổi mới đào tạo nghề trên Đài phát thanh - Truyền hình tỉnh. Đã đăng tải 63 bài viết trên báo in và báo điện tử của địa phương về tuyên truyền công tác đào tạo nghề và kết quả, hiệu quả sau học nghề.

Nhìn chung, công tác truyền thông đã góp phần quan trọng trong việc tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về đào tạo nguồn nhân lực có tay nghề cao, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, nhân dân và toàn xã hội về vai trò, vị trí công tác đào tạo nghề. Đồng thời, công tác tuyên truyền đã quan tâm đến định hướng nghề nghiệp trên cơ sở nhu cầu thực tế về nguồn nhân lực của thị trường lao động, lấy tín nhiệm của thị trường lao động đối với người học sau khi tốt nghiệp là tiêu chí để đánh giá uy tín, chất lượng của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

## **2. Việc phê duyệt, tổ chức thực hiện quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn, đặc biệt là việc sáp nhập, sắp xếp lại hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp**

Thực hiện Thông tư liên tịch số 39/2015/TTLT-BLĐT BXH-BGDĐT-BNV<sup>1</sup>, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành các quyết định sáp nhập các Trung tâm dạy nghề với các Trung tâm giáo dục thường xuyên và hướng nghiệp các huyện, đã có 13/14 Trung tâm dạy nghề, Trung tâm Dạy nghề - GDTX&HN và Trung tâm GDTX - HN&DN được sáp nhập và đổi tên thành Trung tâm GDNN - GDTX trực thuộc UBND các huyện.

Đồng thời, đã ban hành Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 04/6/2018 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của

---

<sup>1</sup> Thông tư liên tịch số 39/2015/TTLT-BLĐT BXH-BGDĐT-BNV ngày 19/10/2015 của Bộ Lao động- TB&XH, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn việc sáp nhập Trung tâm dạy nghề, Trung tâm giáo dục thường xuyên, Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp công lập cấp huyện thành Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên.

Chính phủ và Kế hoạch số 126-KH/TU ngày 05/4/2018 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Đến ngày 01/5/2019, tỉnh đã hoàn tất việc sáp nhập Trường Trung cấp Kỹ thuật Quảng Ngãi vào Trường Cao đẳng Việt Nam – Hàn Quốc – Quảng Ngãi. Bên cạnh đó, đã ban hành các Quyết định giải thể các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên cấp huyện hoạt động kém hiệu quả, gồm Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên các huyện: Lý Sơn, Sơn Tây, Tây Trà.

Hiện nay, số cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh là 28 cơ sở. Trong đó, có 02 cơ sở giáo dục đại học có hoạt động giáo dục nghề nghiệp, 06 Trường Cao đẳng; 03 Trường Trung cấp; 01 Trung tâm giáo dục nghề nghiệp; 11 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện; 05 cơ sở đào tạo khác có tham gia dạy nghề. Chia theo loại hình: 22 cơ sở công lập và 06 cơ sở ngoài công lập. Tổng quy mô tuyển sinh đạt 13.300 người/năm. Trong đó: trình độ cao đẳng: 2.500 người, chiếm 19%; trình độ trung cấp: 2.800 người, chiếm 21%; trình độ sơ cấp và đào tạo thường xuyên: 8.000 người, chiếm 60% (có phụ lục 02 kèm theo).

### **3. Việc quản lý đầu tư và nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp trực thuộc**

Thực hiện Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, trong giai đoạn 2015 – 2018, đã bố trí kinh phí thực hiện đầu tư mua sắm trang thiết bị dạy nghề cho các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên các huyện để đào tạo nghề cho lao động nông thôn là 2.650 triệu đồng. Trong đó, Ngân sách trung ương: 1.200 triệu đồng và Ngân sách địa phương: 1.450 triệu đồng.

Thực hiện Dự án “Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp” thuộc Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và an toàn lao động, năm 2018 đã phân khai 4.000 triệu đồng cho Trường Cao đẳng Y tế Đặng Thùy Trâm để đầu tư mua sắm trang thiết bị đào tạo nghề của nghề trọng điểm. Năm 2019, tiếp tục phân bổ dự toán kinh phí Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách tỉnh để hỗ trợ đầu tư mua sắm thiết bị đào tạo cho 02 trường có ngành nghề trọng điểm, với tổng kinh phí là 11.000 triệu đồng (*Trường Cao đẳng Việt Nam- Hàn Quốc - Quảng Ngãi: 7.000 triệu đồng; Trường Cao đẳng Y tế Đặng Thùy Trâm: 4.000 triệu đồng*).

Ngoài ra, để phát huy tối đa hiệu quả trang thiết bị dạy nghề đã được đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chuyển trang thiết bị giữa các đơn vị đào tạo; đồng thời, thường xuyên có văn bản yêu cầu các đơn vị bảo quản trang thiết bị đúng yêu cầu, sử dụng đúng mục đích.

#### **4. Xây dựng và kiện toàn bộ máy tổ chức quản lý giáo dục nghề nghiệp**

Kể từ khi thống nhất đầu mối quản lý lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành nhiều văn bản nhằm tăng cường công tác quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp nói chung, lĩnh vực đào tạo nhân lực có tay nghề cao nói riêng; qua đó giúp học sinh, sinh viên tăng cường tìm kiếm việc làm sau tốt nghiệp, nhiều doanh nghiệp đã trực tiếp đến cơ sở giáo dục nghề nghiệp để tuyển dụng tại buổi lễ tốt nghiệp. Đồng thời, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các Quyết định kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 và Ban Chỉ đạo Chương trình việc làm tỉnh giai đoạn 2016 – 2020.

Nhằm đẩy mạnh phân cấp quản lý, tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành Quyết định số 449/QĐ-UBND ngày 28/6/2017 phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017 - 2025, qua đó đã nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng tính tự chủ về tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, biên chế và tài chính cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập; từng bước đẩy mạnh xã hội hóa, tách dịch vụ công ra khỏi chức năng quản lý nhà nước.

Hàng năm, tổ chức nhiều buổi đối thoại, tổ chức lồng ghép, kết hợp hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp với các hoạt động tuyên truyền, phổ biến Luật Giáo dục nghề nghiệp về quyền và trách nhiệm của doanh nghiệp trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp; trên cơ sở đó đã xây dựng và ban hành cơ chế liên kết, phối hợp về quyền lợi và trách nhiệm, cung cấp thông tin thị trường lao động, tuyển dụng và đào tạo lao động, đặc biệt là đào tạo nhân lực có tay nghề cao, thực tập của học sinh, sinh viên, nghiên cứu khoa học... giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp nhằm giúp doanh nghiệp gắn kết công tác đào tạo và tuyển dụng ổn định trong sản xuất, kinh doanh và dịch vụ.

#### **5. Công tác khuyến khích xã hội hóa giáo dục nghề nghiệp tại địa phương; cơ chế khuyến khích doanh nghiệp tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp; cơ chế, chính sách đối với hoạt động giáo dục nghề nghiệp tại địa phương; việc gắn kết đào tạo nghề với xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, gắn đào tạo nghề nghiệp cho người lao động với việc phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn**

- Về công tác khuyến khích xã hội hóa giáo dục nghề nghiệp: Xã hội hóa giáo dục nghề nghiệp luôn được tỉnh quan tâm chú trọng thực hiện, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 36/2016/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 về việc Quy định về ưu đãi, hỗ trợ và thu hút đầu tư của tỉnh Quảng Ngãi, trong đó, quy định cụ thể chính sách ưu đãi về đất đai, cơ sở vật chất, ưu đãi tín

dụng, đầu tư và phí xây dựng hạ tầng thuộc lĩnh vực khuyến khích xã hội hóa: Giáo dục – Đào tạo, Dạy nghề, Y tế, Văn hóa, Thể dục thể thao, Môi trường trên địa bàn tỉnh.

- Về cơ chế khuyến khích doanh nghiệp tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp: Để khuyến khích các doanh nghiệp cùng tham gia vào quá trình đào tạo lao động, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 30/2018/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 về việc Quy định chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Theo đó ngân sách nhà nước sẽ hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp khi có nhu cầu đặt hàng đào tạo nghề đối với các cấp trình độ cao đẳng, trung cấp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh để đào tạo người lao động có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Quảng Ngãi vào làm việc tại doanh nghiệp; doanh nghiệp lựa chọn và tham gia phối hợp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh trong đào tạo nghề, được thụ hưởng phần kinh phí đào tạo tương ứng với việc tham gia đào tạo. Ngoài ra, ngân sách nhà nước sẽ hỗ trợ doanh nghiệp hoàn thiện kỹ năng nghề nghiệp cho người lao động khi tuyển dụng lao động qua đào tạo nghề.

- Về cơ chế, chính sách đối với hoạt động giáo dục nghề nghiệp tại tỉnh:

+ Đối với đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng: Hàng năm, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp nhu cầu đào tạo từ các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, dự toán kinh phí thông qua Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và giao kinh phí về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và tổ chức đặt hàng đào tạo.

+ Đối với đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các sở, ngành tổng hợp nhu cầu từ các địa phương xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, tổ chức ký kết hợp đồng đặt hàng đào tạo nghề phi nông nghiệp cho lao động nông thôn; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, tổ chức ký kết hợp đồng đặt hàng đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn.

+ Ngoài ra, người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh, lao động nữ bị mất việc làm và các đối tượng là thanh niên quy định tại Điều 14 Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ khi tham gia học các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng được hỗ trợ tiền ăn và tiền đi lại theo Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng chính phủ về Quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng.

- Về gắn kết đào tạo nghề với xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, gắn đào tạo nghề nghiệp cho người lao động với việc phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn: Việc chú trọng công tác dạy nghề cho lao động nông thôn đã góp phần quan trọng vào công tác xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh: về cơ bản người lao động sau học nghề đã biết cách tiếp cận và vận dụng kiến thức khoa học, kỹ thuật vào sản xuất, kinh doanh, giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất lao động, tạo việc làm tại chỗ. Hầu hết lao động có tay nghề đã được nhận vào làm việc tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất,... từ đó nâng cao thu nhập cho bản thân, ổn định cuộc sống, góp phần tích cực vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động và giảm nghèo bền vững.

## **6. Chất lượng, hiệu quả hoạt động giáo dục nghề nghiệp**

Trong giai đoạn 2015-2018, có 32.986 HSSV tốt nghiệp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh. Trong đó, trình độ cao đẳng: 4.821 HSSV; trình độ trung cấp: 6.042 HSSV và trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng là: 22.123 người. Kết quả đào tạo đã góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề của tỉnh tăng từ 45% năm 2015 lên 51% vào năm 2018.

Những năm qua, nhiều doanh nghiệp trong Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp tỉnh đã đi vào hoạt động, hoạt động sản xuất kinh doanh đã có nhiều khởi sắc, nhu cầu tuyển dụng lao động ngày càng nhiều, tạo điều kiện thuận lợi cho các trường giải quyết việc làm cho học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp. Khoảng 80% HSSV sau khi tốt nghiệp được các trường giới thiệu việc làm tại Khu kinh tế Dung Quất cũng như các khu công nghiệp trong và ngoài tỉnh, được giới thiệu xuất khẩu lao động làm việc tại các nước Hàn Quốc, Nhật Bản...

Đối với đào tạo nghề cho lao động nông thôn, tỷ lệ lao động có việc làm sau đào tạo đạt khoảng 85%; 100% lao động đào tạo theo đặt hàng của doanh nghiệp đều được bố trí việc làm theo cam kết của doanh nghiệp.

Nhìn chung, chất lượng giáo dục nghề nghiệp trong những năm gần đây ngày càng đáp ứng tốt hơn nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động, các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy nghề được quan tâm, cải thiện, xã hội hóa dạy nghề ngày càng được đẩy mạnh, chất lượng đội ngũ giáo viên ngày càng được nâng cao, chương trình giáo trình thường xuyên cập nhật, sửa đổi; hợp tác giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp ngày càng mở rộng và gắn kết chặt chẽ hơn.

## **7. Các công tác khác liên quan đến giáo dục nghề nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền**

- Công tác đổi mới phát triển chương trình, giáo trình đào tạo: Thường xuyên chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tập trung phối hợp với doanh nghiệp xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo theo hướng phát triển phẩm

chất và năng lực; tích hợp kiến thức, kỹ năng và phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo vào quá trình đào tạo; kiểm định chất lượng chương trình và cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Tăng thời gian và thời lượng thực tập nâng cao kỹ năng nghề tại các doanh nghiệp; phối hợp với doanh nghiệp trong việc giáo dục ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm, thái độ làm việc cho học sinh, sinh viên. Về chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp ở các cấp trình độ cao đẳng, trung cấp được quy định cụ thể về chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học sau khi tốt nghiệp; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô-đun, tín chỉ, môn học, từng ngành, nghề phù hợp và xây dựng chuẩn đầu ra theo khung năng lực trình độ quốc gia Việt Nam.

Trong giai đoạn 2015 - 2018, các Trường Cao đẳng, Trung cấp trên địa bàn tỉnh đã tiến hành xây dựng mới và điều chỉnh bổ sung 37 chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp; trong đó có 17 ngành, nghề được Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội phê duyệt nghề trọng điểm, gồm: 08 ngành, nghề trọng điểm cấp quốc tế; 03 ngành, nghề trọng điểm cấp độ ASEAN và 06 ngành, nghề trọng điểm cấp độ quốc gia.

- Công tác xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý và nhà giáo giáo dục nghề nghiệp: Trên cơ sở quy hoạch và tiêu chuẩn quy định về chức danh nghề nghiệp, nhu cầu phát triển ngành, nghề đào tạo, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Lao động – Thương binh và Xã hội và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp rà soát, quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuẩn hóa giai đoạn 05 năm và xây dựng kế hoạch thực hiện hàng năm. Thời gian qua, cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã tổ chức đào tạo, bồi dưỡng trong nước và ngoài nước cho cán bộ quản lý và nhà giáo giáo dục nghề nghiệp. Hầu hết các nhà giáo hoàn thành việc học tập và về phục vụ có hiệu quả cho việc nâng cao chất lượng đào tạo; đội ngũ cán bộ, nhà giáo sau khi được đào tạo, bồi dưỡng đã có nhận thức chính trị vững vàng hơn, hiệu quả công tác được nâng lên; một số sau đào tạo, bồi dưỡng đã được đề bạt, bổ nhiệm hầu hết phát huy tốt chức trách của mình trên cương vị mới.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên dạy nghề ngày càng được chú trọng, góp phần nâng cao năng lực, trách nhiệm và nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức về công tác đào tạo nghề phát triển nguồn nhân lực. Số lượng cán bộ quản lý, giáo viên dạy nghề tại các Trường Cao đẳng, Trung cấp trên địa bàn tỉnh tính đến ngày 01/3/2019 là 694 người. Về chất lượng, trình độ Tiến sỹ: 07 người; Thạc sỹ: 192 người, Đại học: 378 người; Cao đẳng: 45 người; Trung cấp và trình độ khác: 72 người. Có trên 75% nhà giáo giáo dục nghề nghiệp được chuẩn hóa, đạt chuẩn theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

## **II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

### **1. Thuận lợi**

- Nhận thức của người dân, xã hội về giáo dục nghề nghiệp đã có sự chuyển biến tích cực, nhiều gia đình đã động viên, ủng hộ con em học nghề như là một lựa chọn bình thường chứ không phải miễn cưỡng như trước đây để nhanh chóng tham gia vào thị trường việc làm, lao động. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, sự tham gia phối hợp của các tổ chức chính trị - xã hội đối với công tác đào tạo nghề ngày càng tích cực và hiệu quả.

- Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục nghề nghiệp được ban hành tương đối đầy đủ, bao phủ hầu hết các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, bảo đảm hệ thống giáo dục nghề nghiệp vận hành tốt theo đúng quy định của pháp luật.

- Tuyển sinh học nghề đã có những chuyển biến tích cực, nhất là tuyển sinh trung cấp đầu vào THCS; chất lượng đào tạo được cải thiện (*tỷ lệ HSSV tốt nghiệp có việc làm hoặc tự tạo việc làm ngày càng tăng, mức thu nhập khá*). Xuất hiện ngày càng nhiều mô hình đào tạo có hiệu quả, đào tạo gắn với nhu cầu sử dụng của doanh nghiệp, cam kết trả lại học phí nếu học sinh không có được việc làm với mức thu nhập thỏa đáng sau khi tốt nghiệp.

- Cơ cấu ngành, nghề đào tạo đã từng bước được điều chỉnh theo cơ cấu ngành nghề trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; thực hiện đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp.

- Mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp được phát triển phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội của địa phương. Xã hội hóa cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã đạt được kết quả bước đầu. Đã có nhiều cơ chế, chính sách thông thoáng tạo cơ hội học nghề cho người có nhu cầu học nghề; chính sách xã hội trong đào tạo nghề được coi trọng, ưu tiên cho các đối tượng là người dân tộc thiểu số, người nghèo, người tàn tật, người có công với cách mạng, bộ đội xuất ngũ, lao động nông thôn...

- Niềm tin của các doanh nghiệp vào chất lượng nguồn nhân lực sau đào tạo ngày một nâng lên, nhiều doanh nghiệp chủ động liên hệ với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp để tiếp nhận học sinh, sinh viên tốt nghiệp ra trường vào làm việc. Mặt khác, các doanh nghiệp cũng tích cực hơn trong việc đóng góp về cơ sở vật chất, trang thiết bị và chia sẻ kinh phí cùng với nhà nước trong quá trình tổ chức đào tạo lao động.

## **2. Khó khăn**

- Cơ cấu đào tạo giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh còn bất cập, chủ yếu vẫn là trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng chiếm 75%, trình độ trung cấp, cao đẳng chỉ chiếm khoảng 25%. Tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt ở những ngành, nghề nặng nhọc, độc hại.

- Còn khoảng cách giữa đào tạo và thực tế sử dụng lao động đã qua đào tạo. Kiến thức, kỹ năng, thể chất, tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động,



năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp... mà nhà trường trang bị cho HSSV chưa đáp ứng được nhu cầu người sử dụng lao động. Giáo dục nghề nghiệp cho lao động nông thôn còn triển khai theo phương thức phổ biến nghề, chưa đáp ứng được yêu cầu trang bị kỹ năng nghề cho lao động nông thôn để có thể vận hành nền sản xuất hàng hóa hiện đại trong bối cảnh hội nhập.

- Chưa tạo được động lực mạnh để thu hút người học; chính sách tuyển dụng, sử dụng, chính sách tiền lương của doanh nghiệp cho người lao động chưa đủ sức hấp dẫn.

- HSSV tốt nghiệp còn yếu về ngoại ngữ và các kỹ năng mềm như tác phong công nghiệp, khả năng làm việc theo tổ, nhóm..., kỹ năng khởi nghiệp.

- Số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở các cấp còn hạn chế, phần lớn thực hiện kiêm nhiệm.

### **3. Nguyên nhân**

#### ***a) Nguyên nhân khách quan:***

- Các cấp, các ngành chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của giáo dục nghề nghiệp nên chưa quan tâm đúng mức đến việc phát triển giáo dục nghề nghiệp.

- Các doanh nghiệp chưa thấy rõ được lợi ích và trách nhiệm của mình trong việc tham gia giáo dục nghề nghiệp, về cơ bản hiện nay việc tham gia quản lý và điều hành giáo dục nghề nghiệp hầu như chưa có sự tham gia của giới chủ và cơ quan đại diện cho người lao động. Chưa có các quy định pháp lý cụ thể về trách nhiệm của các doanh nghiệp sử dụng, tuyển dụng lao động qua đào tạo nghề.

- Việc định hướng nghề nghiệp và phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS và THPT còn gặp nhiều khó khăn, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS và THPT đăng ký tham gia các khóa đào tạo giáo dục nghề nghiệp ở mức thấp do chưa có quy định pháp lý nhằm cụ thể hóa chủ trương của Đảng (*Chỉ thị số 10- CT/TW*). Nhiều phụ huynh và học sinh còn tư tưởng coi trọng bằng cấp, đa số phụ huynh chỉ muốn con em mình vào đại học, mặc dù khả năng kinh tế gia đình và khả năng học tập của học sinh không đáp ứng được yêu cầu.

#### ***b) Nguyên nhân chủ quan:***

- Công tác truyền thông chưa đáp ứng được yêu cầu về chất lượng, hiệu quả đã khiến cho cung cầu đào tạo chưa gặp nhau, không đến được với đông đảo xã hội, khiến tâm lý chung của xã hội vẫn chủ yếu quan tâm đặc biệt đến việc học đại học

- Nhiều cơ sở giáo dục nghề nghiệp còn đào tạo trên cơ sở năng lực hiện có sẵn; chưa chủ động tổ chức đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động.

- Công tác dự báo và thông tin về cung - cầu về hệ thống giáo dục nghề nghiệp và thị trường lao động, thị trường việc làm còn bất cập, chưa sát và kịp thời, đặc biệt trong bối cảnh của cách mạng 4.0.

- Các nguồn lực đầu tư cho lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp còn hạn chế, cơ chế quản lý nguồn lực còn bất cập. Chưa có các giải pháp đủ mạnh và đồng bộ để tạo ra sự đột phá về chất lượng ở một số nghề mang tính cạnh tranh cao.

- Việc phối hợp đào tạo nghề từ trình độ Trung cấp, Cao đẳng cho lao động tại các doanh nghiệp chưa có cơ chế quy định ràng buộc, sự cam kết gắn bó lâu dài và thời gian đào tạo khá dài (*từ 02 năm đến 03 năm*) làm ảnh hưởng đến quy trình sản xuất, chế biến.

### **III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN ĐẾN**

#### **1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo công tác thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức của xã hội về giáo dục nghề nghiệp**

- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo trong thông tin và truyền thông, tạo sự chuyển biến về nhận thức, sự đồng thuận và huy động sự tham gia của toàn xã hội đối với việc đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp; nâng cao hơn nữa nhận thức của các cấp ủy, các đơn vị trong ngành về ý nghĩa, tầm quan trọng của đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đối với việc phát triển nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn tỉnh.

- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, triển khai tổ chức thực hiện nghiêm túc các quy định của Nhà nước về phát triển giáo dục nghề nghiệp; chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp xây dựng kế hoạch thực hiện thiết thực, hiệu quả.

#### **2. Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp**

- Rà soát, sắp xếp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng giảm số lượng, tăng quy mô cơ sở giáo dục nghề nghiệp; bảo đảm cơ cấu và hợp lý về ngành nghề, trình độ đào tạo (*đa ngành, chuyên ngành*), vùng miền, chuẩn hóa, hiện đại hóa, có phân tầng chất lượng. Sáp nhập hoặc giải thể các cơ sở giáo dục nghề nghiệp yếu kém, hoạt động không hiệu quả, không đủ năng lực triển khai tự chủ.

- Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng xã hội hóa. Gắn đào tạo nghề với phát triển các ngành, lĩnh vực, đẩy mạnh đào tạo theo nhu cầu, mục tiêu của doanh nghiệp. Chú trọng khuyến khích các doanh

nghiệp phát triển các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tham gia giáo dục nghề nghiệp theo hình thức đặt hàng của Nhà nước và của doanh nghiệp.

- Tập trung nguồn lực đầu tư một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp có ngành, nghề trọng điểm đã được quy hoạch theo các cấp độ (*quốc tế, khu vực ASEAN và quốc gia*) và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chuyên ngành, các nhóm đối tượng đặc thù.

### **3. Tăng cường gắn kết giáo dục nghề nghiệp với thị trường lao động và việc làm bền vững**

- Nâng cao chất lượng hoạt động dự báo ngắn hạn, trung hạn và dài hạn về nhu cầu nguồn nhân lực, nhu cầu việc làm và nhu cầu đào tạo theo lĩnh vực, ngành nghề, cấp trình độ đào tạo; hình thành cơ sở dữ liệu về cung cầu thị trường lao động.

- Nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp; khuyến khích các doanh nghiệp tham gia cung ứng các sản phẩm, dịch vụ liên quan đến dịch vụ đào tạo nghề và tổ chức đào tạo lao động tại chỗ, chú trọng lao động kỹ thuật cao; thường xuyên thông báo công khai về số lượng, chất lượng, ngành nghề, loại hình được đào tạo trên các phương tiện thông tin đại chúng để doanh nghiệp nắm bắt thông tin, phục vụ công tác tuyển dụng.

- Tiếp tục chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh tập trung nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, cung cấp dịch vụ đào tạo nghề có chất lượng, đảm bảo thành thạo kỹ năng nghề, gắn kết quả đào tạo với giải quyết việc làm theo địa chỉ; các cơ sở đào tạo nghề thực hiện việc đào tạo thông qua đặt hàng của doanh nghiệp nơi người lao động được tiếp nhận vào làm việc.

- Khuyến khích các trường tìm hiểu, thực hiện mô hình cam kết trả lại học phí nếu học sinh không có việc làm sau tốt nghiệp. Đổi mới chương trình đào tạo theo định hướng năng lực thực hiện.

- Đẩy mạnh tự chủ của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh gắn với trách nhiệm giải trình, cơ chế đánh giá độc lập, sự kiểm soát của nhà nước, giám sát của xã hội. Thực hiện tự chủ toàn diện; chuyển đổi hoạt động của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập đủ điều kiện sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm (*về nhân sự, tài chính và công tác đào tạo*). Đẩy mạnh việc thực hiện cơ chế tự chủ đi đôi với trách nhiệm giải trình, tăng cường sự kiểm tra, giám sát của Nhà nước và xã hội (*thông qua hệ thống kiểm định, đánh giá và công nhận chất lượng*).

### **4. Hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật, nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp**

- Đầu tư nâng cao năng lực, đổi mới nội dung công tác hướng nghiệp theo yêu cầu của thị trường lao động.

- Ban hành các định mức kinh tế - kỹ thuật cho từng ngành, nghề đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh. Đổi mới cơ chế cấp phát ngân sách nhà nước sang cơ chế Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo căn cứ vào số lượng, chất lượng đầu ra.

- Tăng cường năng lực quản lý nhà nước về đào tạo nghề, năng lực quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp và năng lực của nhà giáo giảng dạy giáo dục nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp. Chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và đào tạo bồi dưỡng giáo viên để chuẩn hóa về kỹ năng nghề nghiệp.

- Tăng cường hợp tác quốc tế về giáo dục nghề nghiệp, khuyến khích và chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tiếp tục thực hiện việc liên kết, hợp tác quốc tế trong đào tạo nghề.

#### **IV. KIẾN NGHỊ**

1. Tăng cường đầu tư nguồn kinh phí mua sắm trang thiết bị đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, nhất là đối với các Trường có ngành, nghề trọng điểm được Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội phê duyệt.

2. Chỉ đạo thực hiện tốt công tác phân luồng học sinh tốt nghiệp THCS, THPT vào giáo dục nghề nghiệp theo Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông” giai đoạn 2018 - 2025.

UBND tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo./.

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng;
- Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Lao động-Thương binh và Xã hội;
- VPUB: CVP, PCVP(VX), CBTH;
- Lưu: VT, KGVX<sub>lmc227</sub>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Đặng Ngọc Dũng**



PHU LUC KEM BAO  
CAO.xls